

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/HS-ST
Ngày: 29 - 12- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Khang.

Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa:
Ông Hà Viết Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2020/TLST- HS ngày 09 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/HSST-QĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 đối với:

* Bị cáo: Trần Văn C - Sinh năm 1986 tại tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Đội x, xã N, huyện H, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; con ông Trần Văn Ch, sinh năm 1959 và bà Trần Thị Y, sinh năm 1963, cả hai hiện làm ruộng tại xã N, huyện H; gia đình có 02 anh em, C là con thứ hai; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1985, hiện làm ruộng tại xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng; có 01 con sinh năm 2008. Tiền sự: Không.

Tiền án: + Ngày 18/6/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Ngày 18/9/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm xử phạt 06 tháng tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

+ Ngày 08/5/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo Trần Văn C bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 23/5/2020 đến ngày 26/5/2020 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nghĩa Hưng; có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Ông Anh Vũ Thế A, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số xx, TL, An C, B S, Tràng Bỏm, Đồng Nai; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1980; nơi cư trú: Đội x, xã N, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Đội xx, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ ngày 12/01/2011, Trần Văn C đến nhà Vũ Thế A chơi (C và Thế A là bạn bộ đội). Trong khi ngồi chơi uống nước, Vũ Thế A nhờ Trần Văn C chở Vũ Thế A đến nhà ông Nguyễn Văn K ở đội x, hợp tác xã Đ, xã L, huyện H để dự đám cưới con trai ông K. Khoảng 21 giờ cùng ngày khi Trần Văn C chở Vũ Thế A lên đến nhà ông Nguyễn Văn K, C đứng ngoài đường chờ để Thế A vào dự đám cưới. Khi đi qua nhà ông Đoàn Văn L (nhà ông L là hàng xóm cạnh nhà ông Nguyễn Văn K), Thế A nhìn thấy trong sân nhà ông L có nhiều xe mô tô của khách dự đám cưới nhà ông K, Vũ Thế A nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của khách để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Vũ Thế A vào sân nhà ông L thấy có 01 xe mô tô, nhãn hiệu CPI, biển số 18S2 – xxxx của anh Nguyễn Văn S (Anh S làm trong ban nhạc tổ chức đám cưới tại nhà ông K, Vũ Thế A đến dùng tay gạt ốp nhựa ở phần đầu xe mô tô, rút giắc ở ổ khóa điện, sau đó Vũ Thế A đạp nổ máy đi ra ngoài. Khi Vũ Thế A điều khiển xe mô tô đi đến chỗ Trần Văn C đang ngồi chờ, Vũ Thế A bảo C đi theo. Khi đi đến Cầu 50 thuộc xã N, Vũ Thế A dừng xe lại và bảo Trần Văn C tìm chỗ cất chiếc xe mô tô vừa trộm cắp. C hỏi Thế A là xe mô tô ở đâu, Thế A nói với C là xe mô tô vừa trộm cắp được. Trần Văn C đồng ý và dẫn Vũ Thế A đến hiệu cắt tóc của anh Nguyễn Văn T để gửi xe nhưng anh T không cho gửi. Sau đó C bảo Thế A mang xe mô tô về nhà cất giấu. Trên đường về nhà C sợ bị phát hiện, Thế A đã tháo chiếc biển số 18S2 - xxxx của xe mô tô ra vứt ở đâu không nhớ địa chỉ cụ thể. Khi về nhà C, Thế A và C đẩy xe mô tô vào trong buồng nhà C, sau đó C lấy chiếu đẩy lên chiếc xe. Vũ Thế A và Trần Văn C thống nhất khi nào bán được xe mô tô thì sẽ chia tiền cho nhau, sau đó Vũ Thế A ra về. (*Bút lục: 106 - 135, 153 - 175, 176 - 189*). Khám xét thu giữ của Trần Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu CPI không đeo biển số, có số máy FMG – 0101xxxx, số khung C- 00xxxx (là xe mô tô của anh Nguyễn Văn S bị mất trộm ngày 12/01/2011),

thu giữ 05 gương xe máy đã qua sử dụng. Sau khi phát hiện Trần Văn C bị bắt, Vũ Thế A đã bỏ trốn khỏi địa phương. (Bút lục: 40 - 41).

Tại bản kết luận số 30/HĐ- ĐGTS ngày 18/01/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Nghĩa Hưng, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu CPI, có số máy FMG – 0101xxxx, số khung C- 00xxxx có giá trị là 2.500.000 đồng. (Bút lục: 30).

Ngày 21/01/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng Quyết định khởi tố vụ án “*Trộm cắp tài sản*”; Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Văn C. Ngày 20/6/2011, hết thời hạn điều tra, chưa làm rõ được đối tượng trộm cắp tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Trần Văn C.

Trần Văn C bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2011 đến ngày 06/5/2011 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 13/3/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, phục hồi điều tra bị can đối với Trần Văn C. Trần Văn C đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 10/4/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng ra Quyết định truy nã đối với Trần Văn C. Ngày 23/5/2020, Trần Văn C bị bắt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự và Quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Trần Văn C, về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng, Trần Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. (Bút lục: 106 - 135).

Bản cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 07/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố bị cáo về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo điểm đ khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt Trần Văn C từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về định tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ ngày 12/01/2011, tại nhà ông Đoàn Văn L, Vũ Thế A đã trộm cắp 01 xe mô tô, nhãn hiệu CPI, biển số 18S2 - xxxx của anh Nguyễn Văn S có giá trị 2.500.000 đồng. Trần Văn C biết rõ chiếc xe mô tô trên là do Thế A trộm cắp mà có nhưng vẫn cùng Thế A mang xe mô tô trên về nhà cất giấu nhằm bán và chia tiền. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện từ năm 2011, do đó cần áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo. Bị cáo đã hai lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản. Bản án năm 2009 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh đã xác định bị cáo “Tái phạm” nên lần phạm tội này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” với tình tiết định khung tăng nặng là “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng truy tố bị cáo với tội danh và Điều luật như trên là có căn cứ.

Hành vi bị cáo đã thực hiện xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của dân tộc, gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình, đã hai lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo

không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện tội phạm. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập trung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về Vũ Thế A và vật chứng của vụ án: Đã bị xét xử và xử lý vật chứng tại bản án số 40/2014/HSST ngày 28/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Căn cứ Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”;

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn C 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/5/2020. Bị cáo được khấu trừ những ngày tạm giữ tạm giam, từ ngày 13/01/2011 đến ngày 06/5/2011.

3. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án công khai có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Công an huyện Nghĩa Hưng;
- Trại tạm giam ;
- Chi cục Thi hành án huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã N, xã L;
- Bị cáo;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phạm Văn Chung